TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24- 8-2018
V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim T
Ông Trần Văn Trọng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2018/TLST-HNGĐ ngày 5 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 3 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T- sinh năm: 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: 14/5 tổ 5, ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

-*Bị đơn:* Anh Hoàng Minh T1- sinh năm: 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: 32/2 tổ 2, ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày :

Qua thời gian tìm hiểu, vào năm 2014, chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hoàng Minh T1 tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT theo giấy chứng nhận kết hôn số 29/2015 quyển số I ngày 7 tháng 5 năm 2015.

Qúa trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, anh T1 có tính đam mê cờ bạc, rượu chè và nghiện game. Vì vậy, trong cuộc sống gia đình, anh T1 bỏ mặc, không quan tâm gì đến vợ con, cuộc

sống gia đình không hạnh phúc. Chị T và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên răn, tạo điều kiện cho anh T1 sửa sai và anh T1 cũng hứa nhiều lần nhưng sau đó không thay đổi. Do đó, từ tháng 01-2018 đến nay, hai vợ chồng ly thân với nhau và chị T nộp đơn đến Tòa yêu cầu ly hôn.

Nay, chị T xác định tình cảm dành cho chồng không còn nữa, không có niềm tin vào anh T1 sẽ bỏ được thói hư tật xấu đồng thời mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên cương quyết yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 người con chung là Hoàng Minh T2, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2014. Từ thời điểm ly thân đến nay, con chung sống trực tiếp với chị T. Nay, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Trước kia, chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con tuy nhiên tại phiên tòa, anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng, chị đồng ý nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Minh T1 trong bản khai và các lời khai tại Tòa trình bày:

Anh T1 khai thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn và tài sản chung.

Quá trình chung sống, anh T1 xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng là có thật. Nguyên nhân là do lỗi của anh T1 không quan tâm, lo lắng cho gia đình, nghiện game và đam mê cờ bạc. Gia đình hai bên đã nhiều lần gặp nhau để khuyên anh T1 nhưng anh T1 không thể từ bỏ được thói hư, tật xấu. Tuy nhiên, từ khi Tòa án mời đến làm việc, biết chị T có yêu cầu ly hôn vì lý do mâu thuẫn này thì anh T1 đã từ bỏ không còn nghiện game nữa.

Anh T1 và chị T đã ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Qúa trình ly thân thì anh T1 có cố gắng đến để bàn chuyện hàn gắn nhưng chị T nhất quyết không đồng ý quay về đoàn tụ.

Nay, anh T1 xác định vẫn còn yêu thương vợ, mong muốn quay về đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T1 xác định vợ chồng có 01 người con chung là Hoàng Minh T2, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2014. Từ thời điểm ly thân đến nay, cháu Thắng sống trực tiếp với chị T. Nay, nếu ly hôn, anh T1 đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng từ khi án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trước khi đưa vụ án ra xét xử, anh T1 xác định nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh T1 xác định hai vợ chồng có khoản nợ chung là 30.000.000đồng và có yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

***Đại diện VKS nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến*:**

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Tuy nhiên, còn vi phạm tố tụng là mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trước khi thu thập chứng cứ, thẩm phán cần rút kinh nghiệm.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T1 bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về yêu cầu phản tố của bị đơn phát sinh tại phiên tòa thì không xem xét giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự trong vụ án khác, nếu có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Hoàng Minh T1 có nơi cư trú tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

[2] Về nội dung:

[2.1] **Về yêu cầu ly hôn:**

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hoàng Minh T1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 29/2015 quyển I ngày 7 tháng 5 năm 2015. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị T và anh T1 đều xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T1 đam mê cờ bạc, nghiện game, không quan tâm lo lắng cho cuộc sống gia đình, chị T và gia đình đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh T1 không thể từ bỏ được. Từ đó, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và hai người phải sống ly thân nhau từ tháng 01-2018 đến nay.

Trong thời gian ly thân, anh T1 và chị T có gặp nhau nhưng không thể bàn chuyện hàn gắn. Nay, chị T xác định không còn yêu thương, không tin tưởng vào anh T1 nữa nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Anh T1 thì thừa nhận không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên hiện nay vẫn còn tình cảm với chị T và trong thời gian từ 27/6/2018 đến nay đã từ bỏ không còn đam mê cờ bạc và game nữa nên không đồng ý ly hôn.

Xét, quá trình chung sống, cả hai đều xác định chung sống với nhau không mang lại hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 01 năm 2018 đến nay, chị T đưa con về nhà cha mẹ ruột sống, không quay trở về, hai

bên không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Theo điều 19 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"* tuy nhiên, anh T1 lại đam mê cờ bạc, nghiện game, không quan tâm lo lắng cho cuộc sống gia đình, từ đó ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, không đảm bảo để xây dựng gia đình hạnh phúc, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] **Về con chung**: Chị T và anh T1 xác định vợ chồng có 01 người con chung là Hoàng Minh T, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2014. Từ khi ly thân đến nay, cháu T2 sống trực tiếp với chị T. Xét, chị T có chổ ở ổn định, con chung đang sống ổn định với chị T, cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần đồng thời anh T1 tự nguyện giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu T2 cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận tự nguyện của anh T1 về việc đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] **Về tài sản chung**: Chị T và anh T1 đều không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] **Về nợ chung:** Chị T không có yêu cầu. Anh T1 trước khi đưa vụ án ra xét xử xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa có yêu cầu phản tố là đề nghị chia nợ chung số tiền 30.000.000đồng. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn phát sinh sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử nên theo quy định tại khoản 3 Điều 200, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận xem xét yêu cầu này và dành quyền khởi kiện cho anh T1, chị T trong vụ án khác, nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Hoàng Minh T1 phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 200, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

***Tuyên xử*:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị Thu T. Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Hoàng Minh T1.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thu T được quyền trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên tên Hoàng Minh T2, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2014.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Minh T1 về việc đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Minh T2 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực cho đến khi cháu Thắng đủ 18 tuổi;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Minh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không xem xét giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho anh T1, chị T trong vụ án khác, nếu có yêu cầu.

5. *Về án phí*:

- Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2017/0000487 ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

- Anh Hoàng Minh T1 phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền